

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1)- Ông Trần Văn Lô.

2)- Bà Mai Thị Bỉ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa:

\* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ngọc T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện T, tỉnh Long An.

\* *Bị đơn:* Ông Lê Hoài P, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

( Bà T có mặt. Ông P vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình xét xử, bà **Trương Thị Ngọc T** là nguyên đơn trình bày: Bà và ông **Lê Hoài P** được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện T, tỉnh Long An** ngày 14/5/2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn lại được. Nay hai người không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Lê Hoài P**.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

- Ông **Lê Hoài P** là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà **Trương Thị Ngọc T** xin ly hôn với ông **Lê Hoài P**, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý, giải quyết. Ông **Lê Hoài P** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên cần áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt đối với ông **Lê Hoài P**.

[2] Bà **Trương Thị Ngọc T** và ông **Lê Hoài P** được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện T, tỉnh Long An** ngày 14/5/2018, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai trình của bà **Trương Thị Ngọc T**, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà **T** và ông **P** đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Bà **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông **P**. Ông **P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không hợp tác giải quyết việc hôn

nhân của các đương sự. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà **Trương Thị Ngọc T** được ly hôn với ông **Lê Hoài P**, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà **T** khai trình không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà **T** khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà **T** cam kết không có nợ chung, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà **Trương Thị Ngọc T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông **Lê Hoài P** không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà **Trương Thị Ngọc T** được ly hôn với ông **Lê Hoài P**.
2. Về án phí: Bà **Trương Thị Ngọc T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp là 300.000

đồng sang tiền án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0009598 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (Đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Thái**